BÀI TẬP VỀ PHẨN ỨNG OXI HÓA ANKEN

A. Phương pháp giải

- Phản ứng oxi hóa hoàn toàn:

Khi bị đốt với oxi, các anken đều cháy và tỏa nhiều nhiệt:

Tổng quát:

$$C_n H_{2n} + \frac{3n}{2} O_2 \xrightarrow{t^o} nCO_2 + nH_2O$$

+ Đốt cháy anken thu được: $n_{CO_2} = n_{H_2O}$

+ Nếu đốt cháy hỗn hợp ankan và anken thì $n_{\text{ankan}} = n_{\text{H}_2\text{O}} - n_{\text{CO}_2}$

+ Nếu đốt cháy hỗn hợp anken và ankin thì $n_{ankin} = n_{CO_2} - n_{H_2O_3}$

+ Trong trường hợp đề bài cho hỗn hợp anken thì dùng phương pháp trung bình để giải.

mol

- Phản ứng oxi hóa không hoàn toàn:

$$3C_nH_{2n} + 2KMnO_4 + 4H_2O \rightarrow 3C_nH_{2n}(OH)_2 + 2KOH + 2MnO_2$$

 $Lwu \ y$: Phản ứng làm mất màu tím của dung dịch KMnO₄ và tạo kết tủa đen MnO₂ \rightarrow dùng để phân biệt anken và ankan.

- + Khối lượng dung dịch KMnO₄ biến thiên = |khối lượng anken khối lượng kết tủa|
- Phương pháp: Tính theo phương trình hoặc áp dụng định luật bảo toàn khối lượng.

B. Ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Đốt cháy hoàn toàn 0,05 mol một anken A thu được 4,48 lít CO₂ (đktc). Cho A tác dụng với dd HBr chỉ cho một sản phẩm duy nhất. CTCT của A là

A.
$$CH_2=CH_2$$

B.
$$(CH_3)_2C=C(CH_3)_2$$
.

C.
$$CH_2=C(CH_3)_2$$
.

Hướng dẫn giải

$$n_{\text{CO}_2} = \frac{4,48}{22,4} = 0,2$$

$$\rightarrow$$
 $n_{CO_2} = 4 n_A \rightarrow A có 4 C$

$$\Rightarrow$$
 A là C_4H_8

A tác dụng với dd HBr chỉ cho một sản phẩm duy nhất

⇒ CTCT của A là CH₃CH=CHCH₃

Đáp án D

Ví dụ 2: Đốt cháy hoàn toàn 0,2 mol hồn hợp X gồm một ankan và một anken, thu được 0,35 mol CO_2 và 0,4 mol H_2O . Thành phần phần trăm số mol của anken có trong X là

A.40%

B. 50%

C. 25%

D. 75%

Hướng dẫn giải

$$\begin{split} &C_{n}H_{2n} + \frac{3n}{2}O_{2} \rightarrow nCO_{2} + nH_{2}O \\ &C_{n}H_{2n+2} + \frac{3n+1}{2}O_{2} \rightarrow nCO_{2} + (n+1)H_{2}O \\ &n_{ankan} = n_{H_{2}O} - n_{CO_{2}} = 0, 4 - 0, 35 = 0, 05 \text{ (mol)} \\ &n_{anken} = 0, 2 - 0, 05 = 0, 15 \text{ mol} \\ &\rightarrow \%V_{anken} = \frac{0,15}{2}.100\% = 75\% \end{split}$$

Đáp án D

Ví dụ 3: Để khử hoàn toàn 200 ml dung dịch $KMnO_4$ 0,2M tạo thành chất rắn màu đen cần V lít khí C_2H_4 (đktc). Giá trị tối thiểu của V là

A. 0,224 (lít)

B. 0,336 (lít)

C. 0,672 (lít)

D. 1,344 (lít)

Hướng dẫn giải:

$$\begin{split} &n_{KMnO_4} = 0, 2.0, 2 = 0,04 (mol) \\ &3C_2H_4 + 2KMnO_4 + 4H_2O \rightarrow 3C_2H_4 (OH)_2 + 2MnO_2 + 2KOH \\ &0,06 \leftarrow 0,04 \\ &\rightarrow V = 0,06.22, 4 = 1,344 \ (lít) \end{split}$$

Đáp án D

C. Bài tập tự luyện

Câu 1: Đốt cháy hoàn toàn a gam hỗn hợp eten, propen, but-2-en cần dùng vừa đủ b lít oxi (ở đktc) thu được 2,4 mol CO₂. Giá trị của b là:

A. 92,4 lít.

B. 94,2 lít.

C. 80,64 lít.

D. 24,9 lít

Hướng dẫn giải

$$C_nH_{2n} + \frac{3n}{2}O_2 \rightarrow nCO_2 + nH_2O$$

 $3,6 \leftarrow 2,4$ (mol)

$$\Rightarrow$$
 V_{O2} = 3,6.22,4 = 80,64 lít

Đáp án C

Câu 2: Anken A phản ứng hoàn toàn với dung dịch $KMnO_4$ được chất hữu cơ B có $M_B = 1,81M_A$. CTPT của A là:

A. C_2H_4

B. C_3H_6

 $C. C_4H_8$

D. C₅H₁₀

Hướng dẫn giải

$$3C_nH_{2n} + 2KMnO_4 + 4H_2O \rightarrow 3C_nH_{2n+2}O_2 + 2MnO_2 \downarrow + 2KOH$$

$$\begin{cases} A: C_nH_{2n} \\ B: C_nH_{2n+2}O_2 \end{cases}$$

$$M_{_{\mathrm{B}}} = 1.81; M_{_{\mathrm{A}}} \Leftrightarrow 14n + 34 = 1.81.14n \Rightarrow n = 3$$

Đáp án B

Câu 3: Đốt cháy hoàn toàn hỗn hợp gồm 0,1 mol C_2H_4 và 0,2 mol C_3H_6 thu được V lít khí CO_2 (đktc). Giá trị của V là

A. 8,96.

B. 17,92

C. 15,68.

D. 13,44.

Hướng dẫn giải

Bảo toàn nguyên tố C: $n_{CO_2} = 2.n_{C,H_4} + 3.n_{C,H_6} = 0,1.2 + 0,2.3 = 0,8$ mol

$$\rightarrow$$
 V = 0,8.22,4 = 17,92 lít

Đáp án B

Câu 4: Đốt cháy hoàn toàn m gam hỗn hợp X gồm các hiđrocacbon mạch hở: CH_4 , C_3H_6 , C_4H_8 thu được 4,4 gam CO_2 và 2,52 gam H_2O . Phần trăm khối lượng CH_4 trong hỗn hợp X là

A. 34,42%.

B. 42,34%.

C. 43,24%.

D. 44,23%

Hướng dẫn giải

$$n_{\text{CO}_2} = \frac{4,4}{44} = 0,1 \text{ mol}$$

$$n_{\rm H_2O} = \frac{2,52}{18} = 0,14 \text{ mol}$$

Vì đốt cháy hỗn hợp X gồm ankan CH₄ và anken: C₃H₆ và C₄H₈

$$\rightarrow$$
 $n_{CH_4} = n_{H_2O} - n_{CO_2} = 0.14 - 0.1 = 0.04 \text{ mol}$

Bảo toàn C và H:
$$\begin{cases} n_{C \text{ (trong X)}} = n_{CO_2} = 0,1 \text{ mol} \\ n_{H \text{ (trong X)}} = 2.n_{H_2O} = 0,28 \text{ mol} \end{cases}$$

$$\rightarrow m_x = m_C + m_H = 0,1.12 + 0,28 = 1,48 \text{ gam}$$

$$\% \, \mathrm{m_{CH_4}} = \frac{0.04.16}{1.48}.100\% = 43,24\%$$

Đáp án C

Câu 5: Cho 3,5g một anken tác dụng với dung dịch KMnO₄ loãng thì được 5,2g sản phẩm hữu cơ. CTPT của anken là

A. C_3H_6 .

B. C_4H_8 .

C. C_5H_{10} .

D. C_6H_{12}

Hướng dẫn giải:

Gọi CTPT của anken là: C_nH_{2n}

$$3C_{n}H_{2n} + 2KMnO_{4} + 4H_{2}O \rightarrow 3C_{n}H_{2n+2}O_{2} + 2MnO_{2} + 2KOH$$

$$3.14n \qquad \qquad 3.14n + 102 \qquad M \uparrow = 102 \text{ g/mol}$$

$$3,5 \qquad \qquad 5,2 \qquad m \uparrow = 1,7 \text{ gam}$$

$$n \uparrow = \frac{1,7}{102} = \frac{1}{60} \rightarrow n_{anken} = 0,05 \text{ mol}$$

$$M_{anken} = \frac{3,5}{0,05} = 70 = 4n \rightarrow n = 5$$

→CTPT của anken là: C₅H₁₀

Đáp án C

Câu 6: Một hỗn hợp A gồm 2 hiđrocacbon X, Y liên tiếp nhau trong cùng dãy đồng đẳng ($M_X < M_Y$). Đốt cháy 11,2 lít hỗn hợp A thu được 57,2 gam CO_2 và 23,4 gam H_2O . CTPT X, Y và khối lượng của X, Y là:

A. 12,6 gam C₃H₆ và 11,2 gam C₄H₈.

B. 8,6 gam C₃H₆và 11,2 gam C₄H₈.

 $C.\ 5,6\ gam\ C_2H_4\ v\grave{a}\ 12,6\ gam\ C_3H_6.$

D. 2,8 gam C₂H₄ và 16,8 gam C₃H₆.

Hướng dẫn giải

$$n_{CO_{2}} = \frac{57,2}{44} = 1,3 \text{ mol}$$

$$n_{H_{2}O} = \frac{23,4}{18} = 1,3 \text{ mol}$$

$$n_{X} = \frac{11,2}{22,4} = 0,5 \text{ mol}$$

$$C_{D}H_{2D} + \frac{3D}{2}O_{2} \rightarrow DCO_{2} + DH_{2}O$$

$$n_x = 0.5 \text{ mol} \Rightarrow n_{tb} = \frac{1.3}{0.5} = 2.6 \rightarrow X \text{ và Y là: } C_2H_4, C_3H_6;$$

$$n_{C_{2}H_{4}}: n_{C_{3}H_{6}} = 2:3$$

$$\rightarrow \begin{cases} n_{C_{2}H_{4}} = 0,2 \text{ mol} \\ n_{C_{3}H_{6}} = 0,3 \text{ mol} \end{cases}$$

$$\rightarrow m_{C_{2}H_{4}} = 0,2.28 = 5,6 \text{ gam}$$

$$m_{C_{2}H_{4}} = 0,3.42 = 12,6 \text{ gam}$$

Đáp án C

Câu 7: Đem đốt cháy hoàn toàn 0,1 mol hỗn hợp X gồm 2 anken là đồng đẳng kế tiếp nhau thu được CO₂ và nước có khối lượng hơn kém nhau 6,76 gam. CTPT của 2 anken đó là

A. C_2H_4 và C_3H_6 .

B. C₃H₆ và C₄H₈.

C. C_4H_8 và C_5H_{10} .

D. C₅H₁₀ và C₆H₁₂.

Hướng dẫn giải

Đốt cháy hỗn hợp X gồm 2 anken \Rightarrow $n_{_{\text{CO}_2}} = n_{_{\text{H}_2\text{O}}}$

$$m_{CO_2} - m_{H_2O} = 6,76$$

$$\rightarrow n_{\text{CO}_2} = n_{\text{H}_2\text{O}} = \frac{6,76}{44 - 18} = 0,26$$

Gọi công thức chung của 2 chất là C_nH_{2n} (n>2)

$$\rightarrow$$
n = $\frac{0.26}{0.1}$ = 2.6

 \Rightarrow 2 anken đó là: C_2H_4 và C_3H_6

Đáp án A

Câu 8: Đốt cháy hoàn toàn 10ml hiđrocacbon X cần vừa đủ 60ml khí oxi, sau phản ứng thu được 40ml khí cacbonic. Biết X làm mất màu dung dịch brom và có mạch cacbon phân nhánh. CTCT của X là

A. $CH_2 = CH - CH_2 - CH_3$.

B. $CH_2 = C(CH_3)_2$.

C. $CH_2 = C(CH_2)_2 - CH_3$.

D. $(CH_3)_2C = CH - CH_3$.

Hướng dẫn giải

Đáp án B

Số C trong X =
$$\frac{V_{CO_2}}{V_X}$$
 = 4 \rightarrow loại C và D

X có mạch C phân nhánh \rightarrow chỉ có B thỏa mãn.

Câu 9: Cho 0,448 lít (đktc) một anken ở thể khí vào một bình kín dung tích 11,2 lít chứa sẵn 11,52 gam không khí (M = 28,8). Đốt cháy hoàn toàn hỗn hợp trong bình,

sau phản ứng giữ bình ở nhiệt độ 136°C, áp suất bình đo được là 1,26 atm. Biết rằng sau phản ứng cháy còn dư oxi. Công thức của anken là

A. C_3H_6 .

B. C_4H_8 .

 $C. C_2H_4.$

D. C_5H_{10} .

Hướng dẫn giải

$$n_{anken} = \frac{0,448}{22,4} = 0,02 \text{ mol}$$

$$n_{kk} = \frac{11,52}{28,8} = 0,4 \text{ mol}$$

$$\rightarrow \begin{cases} n_{_{\mathrm{N}_2}} = 0.32 \text{ mol} \\ n_{_{\mathrm{O}_2}} = 0.08 \text{ mol} \end{cases}$$

Ở nhiệt độ 136°C, nước ở thể hơi.

$$n_{kh\text{i} \; sau \; ph\text{in} \; \text{ing}} = \frac{PV}{RT} = \frac{1,26.11,2}{0,082.409} = 0,42 \; mol$$

$$C_n H_{2n} + 1.5nO_2 \rightarrow nCO_2 + nH_2O$$

 $0.02 \rightarrow 0.03n$ $0.02n$ $0.02n$

$$\rightarrow \text{hỗn hợp khí sau phản ứng gồm} \begin{cases} \text{CO}_2:0,02\text{n mol} \\ \text{H}_2\text{O}:0,02\text{n mol} \\ \text{N}_2:0,32\text{ mol} \\ \text{O}_2\text{ du}:(0,08-0,03\text{n})\text{ mol} \end{cases}$$

$$\rightarrow$$
 0,02n + 0,02n + 0,32 + 0,08 - 0,03n = 0,42 \rightarrow n = 2

 \rightarrow anken cần tìm là C_2H_4

Đáp án C

Câu 10: Đốt cháy hoàn toàn 2,24 lít đktc một hiđrocacbon X mạch hở, sau đó dẫn sản phẩm cháy lần lượt qua dung dịch H₂SO₄ và dung dịch Ca(OH)₂ dư. Sau thí nghiệm thấy khối lượng bình đựng dung dịch axit tăng 5,4g, bình đựng dung dịch Ca(OH)₂ có 30g kết tủa. Tìm CTPT của X

A. C_3H_6

B. C_2H_4

 $C. C_4H_8$

D. C₅H₁₀

Hướng dẫn giải

$$n_x = \frac{2,24}{22,4} = 0,1 \text{ mol}$$

Khối lượng bình đựng dung dịch axit tăng là khối lượng của H₂O:

$$\rightarrow$$
 m_{H₂O} = 5,4 gam \rightarrow n_{H₂O} = $\frac{5,4}{18}$ = 0,3 mol

$$n_{CO_2} = n_{CaCO_3} = \frac{30}{100} = 0.3 \text{ mol}$$

Nhận thấy: $n_{_{H_2O}} = n_{_{CO_2}} \rightarrow \text{hidrocacbon X là anken}$

$$C_nH_{2n} + \frac{3n}{2}O_2 \rightarrow nCO_2 + nH_2O$$

$$0,1 \leftarrow 0,3 \pmod{mol}$$

$$\rightarrow 0,1.n = 0,3 \rightarrow n = 3 \rightarrow X \text{ là } C_3H_6$$

Đáp án A